

2026 Sem 2 Timetable V3 (wef 29 June)

# 1A

BOWEN SECONDARY SCHOOL, Singapore

	1 8:00 - 8:30	2 8:30 - 9:00	3 9:00 - 9:30	4 9:30 - 10:00	5 10:00 - 10:30	6 10:30 - 11:00	7 11:00 - 11:30	8 11:30 - 12:00	9 12:00 - 12:30	10 12:30 - 13:00	11 13:00 - 13:30	12 13:30 - 14:00	13 14:00 - 14:30	14 14:30 - 15:00	15 15:00 - 15:30	16 15:30 - 16:00	17 16:00 - 16:30	
Mo	CCE		Math G1 1TG1	Reces s	Sci G1 1TG1		Hum G1 1TG1 / HUM RM		Lunch	EL G1 1TG1 / CR2 (DT BLK) / LT		Math G1 1TG1						
			Math G2 1TG3		Sci G2 1TG3 / SCI RM		Hist G2 1TG3			EL G2 1TG3		Geo G2 1TG3						
			Math G3 1TG4		Sci G3 1TG4		Hist G3 1TG4			EL G3 1TG4		Geo G3 1TG4						
Tu	Art		PE  ISH2		Music  AVA		Reces s	Sci G1 1TG1		Lunch	CL G2/G3							
								Sci G2 1TG3 / SCI RM			ML G2/G3 ML 1 / ML 2 / ML 3							
								Sci G3 1TG4			TL G2/G3 TL 1 / TL 2 / TL 3 / TL 4 / TL 5 / TL 6 / TL 7 / TL 8 / TL 9 / TL 10 / TL 11 / TL 12 / TL 13 / TL 14 / TL 15 / TL 16 / TL 17 / TL 18 / TL 19 / TL 20 / TL 21 / TL 22 / TL 23 / TL 24 / TL 25 / TL 26 / TL 27 / TL 28 / TL 29 / TL 30 / TL 31 / TL 32 / TL 33 / TL 34 / TL 35 / TL 36 / TL 37 / TL 38 / TL 39 / TL 40 / TL 41 / TL 42 / TL 43 / TL 44 / TL 45 / TL 46 / TL 47 / TL 48 / TL 49 / TL 50 / TL 51 / TL 52 / TL 53 / TL 54 / TL 55 / TL 56 / TL 57 / TL 58 / TL 59 / TL 60 / TL 61 / TL 62 / TL 63 / TL 64 / TL 65 / TL 66 / TL 67 / TL 68 / TL 69 / TL 70 / TL 71 / TL 72 / TL 73 / TL 74 / TL 75 / TL 76 / TL 77 / TL 78 / TL 79 / TL 80 / TL 81 / TL 82 / TL 83 / TL 84 / TL 85 / TL 86 / TL 87 / TL 88 / TL 89 / TL 90 / TL 91 / TL 92 / TL 93 / TL 94 / TL 95 / TL 96 / TL 97 / TL 98 / TL 99 / TL 100							
We	FTQT		EL G1 1TG1 / CR2 (DT BLK)		Math G1 1TG1		Reces s	Sci G1 1TG1		CL All								
			EL G2 1TG3 / AVA		Math G2 1TG3			Sci G2 1TG3 / SCI RM		ML All ML 1 / ML 2 / ML 3 / CR8		Math G2 1TG3						
			EL G3 1TG4		Math G3 1TG4			Sci G3 1TG4		TL All TL 1 / TL 2 / TL 3 / TL 4 / TL 5 / TL 6 / TL 7 / TL 8 / TL 9 / TL 10 / TL 11 / TL 12 / TL 13 / TL 14 / TL 15 / TL 16 / TL 17 / TL 18 / TL 19 / TL 20 / TL 21 / TL 22 / TL 23 / TL 24 / TL 25 / TL 26 / TL 27 / TL 28 / TL 29 / TL 30 / TL 31 / TL 32 / TL 33 / TL 34 / TL 35 / TL 36 / TL 37 / TL 38 / TL 39 / TL 40 / TL 41 / TL 42 / TL 43 / TL 44 / TL 45 / TL 46 / TL 47 / TL 48 / TL 49 / TL 50 / TL 51 / TL 52 / TL 53 / TL 54 / TL 55 / TL 56 / TL 57 / TL 58 / TL 59 / TL 60 / TL 61 / TL 62 / TL 63 / TL 64 / TL 65 / TL 66 / TL 67 / TL 68 / TL 69 / TL 70 / TL 71 / TL 72 / TL 73 / TL 74 / TL 75 / TL 76 / TL 77 / TL 78 / TL 79 / TL 80 / TL 81 / TL 82 / TL 83 / TL 84 / TL 85 / TL 86 / TL 87 / TL 88 / TL 89 / TL 90 / TL 91 / TL 92 / TL 93 / TL 94 / TL 95 / TL 96 / TL 97 / TL 98 / TL 99 / TL 100								
Th	Hum G1 1TG1 / HUM RM		EL G1 1TG1 / CR2 (DT BLK) / LT		Reces s	Math G1 1TG1		CL All		CCE								
	Lit G2 1TG3		EL G2 1TG3			Math G2 1TG3		ML All ML 1 / ML 2 / ML 3 / CR8										
	Lit G3 1TG4		EL G3 1TG4			Math G3 1TG4		TL All TL 1 / TL 2 / TL 3 / TL 4 / TL 5 / TL 6 / TL 7 / TL 8 / TL 9 / TL 10 / TL 11 / TL 12 / TL 13 / TL 14 / TL 15 / TL 16 / TL 17 / TL 18 / TL 19 / TL 20 / TL 21 / TL 22 / TL 23 / TL 24 / TL 25 / TL 26 / TL 27 / TL 28 / TL 29 / TL 30 / TL 31 / TL 32 / TL 33 / TL 34 / TL 35 / TL 36 / TL 37 / TL 38 / TL 39 / TL 40 / TL 41 / TL 42 / TL 43 / TL 44 / TL 45 / TL 46 / TL 47 / TL 48 / TL 49 / TL 50 / TL 51 / TL 52 / TL 53 / TL 54 / TL 55 / TL 56 / TL 57 / TL 58 / TL 59 / TL 60 / TL 61 / TL 62 / TL 63 / TL 64 / TL 65 / TL 66 / TL 67 / TL 68 / TL 69 / TL 70 / TL 71 / TL 72 / TL 73 / TL 74 / TL 75 / TL 76 / TL 77 / TL 78 / TL 79 / TL 80 / TL 81 / TL 82 / TL 83 / TL 84 / TL 85 / TL 86 / TL 87 / TL 88 / TL 89 / TL 90 / TL 91 / TL 92 / TL 93 / TL 94 / TL 95 / TL 96 / TL 97 / TL 98 / TL 99 / TL 100										
Fr	FCE  FOOD LAB 1 / FCE HUB				PE  HALL		Reces s	EL G1 1TG1 / CR3 (DT BLK)										
								EL G2 1TG3										
								EL G3 1TG4 / AVA										